

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 49/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29- 9-2025

V/v: *Tranh chấp ly hôn*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thuận

Bà Dương Thị Được

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Trương Thị Hoàn - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13- thành phố Hồ Chí Minh

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 13- thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Văn Long - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13- thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 302/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bảo N - sinh năm: 2002

Nơi cư trú: 43 tổ D, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là xã L, thành phố Hồ Chí Minh) - Có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn: Ông Trần Văn H- sinh năm: 1985

Địa chỉ: K tổ A, ấp P, xã P, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là xã L, thành phố Hồ Chí Minh)- vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 05 năm 2025 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bảo N trình bày:

Bà Nguyễn Thị Bảo N và ông Trần Văn H tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện L (nay là huyện L, thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 02/04/2021 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện.

Vợ chồng sống chung với nhau hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông H không quan tâm đến gia đình, vợ con. Do đó dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm, không hòa hợp, không có tiếng nói chung nên thường xảy ra tranh cãi. Hai bên đã cố gắng hòa giải mâu thuẫn để hàn gắn hạnh phúc nhưng không thành. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không nín kéo hạnh phúc được nữa. Bà N và ông H đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Khi ly thân, vợ chồng không qua lại, chăm sóc lẫn nhau. Nay, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian sống chung, bà N và ông H có 01 (một) con chung, cháu tên: Trần Nguyễn Quang H1, giới tính: nam, sinh ngày: 12/04/2021. Hiện tại, cháu Trần Nguyễn Quang H1 đang ở chung với ông H. Trường hợp ly hôn, bà đồng ý cho ông H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Trần Nguyễn Quang H1 và bà N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, tại văn bản trình bày ý kiến, bị đơn ông Trần Văn H:

Ông H đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với ông H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13- thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- ***Về tố tụng:*** Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử; bị đơn triệu tập tham gia phiên tòa 2 lần không đến nên Hội đồng xét xử vắng mặt họ là đúng pháp luật.

- ***Về nội dung:*** Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Bị đơn ông Trần Văn H hiện nay có nơi sinh sống, làm việc tại xã L- thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13- thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa 2 lần không đến, không có lý do chính đáng nên căn cứ

theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ ly hôn:

Bà Nguyễn Thị Bảo N và ông Trần Văn H đã tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Hai bên đã đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện L (nay là huyện L, thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 02/04/2021 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.2] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bảo N, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau thời gian chung sống, giữa bà N và ông H phát sinh nhiều mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng. Nguyên nhân được bà N xác định là do ông H không quan tâm chăm sóc đến vợ con, không chia sẻ trách nhiệm gia đình, dẫn đến tình trạng vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mất dần tình cảm và không tìm được tiếng nói chung. Hai bên đã nhiều lần cố gắng hàn gắn, hòa giải để duy trì cuộc sống chung nhưng không thành. Từ năm 2022 cho đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm cũng như nghĩa vụ, trách nhiệm với nhau.

Việc hai bên đã ly thân trong thời gian dài, không còn duy trì mối quan hệ vợ chồng trên thực tế, thể hiện rõ sự rạn nứt nghiêm trọng trong quan hệ hôn nhân. Tình trạng hôn nhân không thể cải thiện, mục đích của hôn nhân không đạt được. Ngoài ra, bị đơn, ông Trần Văn H, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần trong quá trình tố tụng, nhưng không có ý kiến phản hồi, không tham gia phiên hòa giải, không có mặt tại phiên tòa xét xử, cho thấy bị đơn không có thiện chí hàn gắn, khôi phục quan hệ hôn nhân.

Từ những phân tích trên, xét thấy mâu thuẫn giữa hai bên là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu tiếp tục duy trì hôn nhân chẳng những sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau, mà còn ảnh hưởng đến quyền lợi, sự ổn định tâm lý của cả hai bên và của con chung. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Bảo N là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần được chấp nhận.

[2.3] Về con chung:

Trong quá trình chung sống, vợ chồng có một con chung là cháu Trần Nguyễn Quang H1, sinh ngày 12/04/2021. Tại thời điểm hiện tại, cháu H1 đang sinh sống ổn định cùng ông H (cha ruột) và là người trực tiếp chăm sóc cháu từ khi hai bên ly thân. Bà N tự nguyện giao con cho ông H tiếp tục nuôi dưỡng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: cháu H1 hiện còn nhỏ, chưa đủ 36 tháng tuổi tại thời điểm hai bên ly thân và nay mới hơn 4 tuổi, rất cần sự ổn định về tâm lý, nơi ở, cũng như sự quan tâm, chăm sóc liên tục. Việc cháu H1 đang sống cùng ông H,

có môi trường sống ổn định, không bị xáo trộn và được sự đồng thuận từ cả cha lẫn mẹ về việc nuôi dưỡng là điều có lợi cho sự phát triển của cháu. DO đó, cần tiếp tục giao cháu Trần Nguyễn Quang H1 cho ông Trần Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với thực tế cũng như bảo đảm quyền lợi mọi mặt của con chưa thành niên theo quy định tại các Điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng: Xét, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ mang tính bắt buộc của cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Do hiện tại các bên không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Trường hợp sau này người trực tiếp nuôi con có yêu cầu về việc cấp dưỡng, thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác theo quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.3] **Về tài sản chung, nợ chung:** Bà Nguyễn Thị Bảo N khai không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Trần Văn H cũng không có ý kiến gì khác. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét và không giải quyết đối với phần tài sản và nghĩa vụ tài chính chung.

[3] Về án phí: Căn cứ theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Nguyễn Thị Bảo N phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[4] **Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 115 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bảo N

Cho bà Nguyễn Thị Bảo N ly hôn với ông Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Trần Nguyễn Quang H1- sinh ngày 12/04/2021 cho ông Trần Văn H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm thời, bà Nguyễn Thị Bảo N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng theo quy định.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Bảo N phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu tiền số 0003941 ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự huyện L (Nay là Phòng Thi hành án dân sự 13- thành phố Hồ Chí Minh). Bà N đã nộp đủ tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND TP . HCM;
- VKSND KV13;
- Phòng THADS KV13;;
- UBND xã Long Hải;
- Các đương sự;
- Lưu:VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Tuyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI THẨM XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Tuyên